

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2025
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lương Xu
Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Như Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng (Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn C, xã L, tỉnh H, thành phố Đà Nẵng (thôn C, thị trấn L, huyện L, tỉnh H cũ). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: anh Mai Văn L, sinh năm: 1979; Địa chỉ: thôn P, xã P, thành phố Đà Nẵng (thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Quảng Nam cũ). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Mai Văn L tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2013, nay là xã P, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống và làm việc tại tỉnh Quảng Nam và sinh được một người con, sau đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình. Từ năm 2015, chị đưa con về nhà cha mẹ ruột của chị tại tỉnh H sinh sống. Cũng từ thời gian này, vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm gì đến nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn L.

Về con chung, về chia tài sản và về nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/6/2025, bị đơn anh Mai Văn L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà của anh thuộc thôn P, xã P, huyện P. Đến năm 2016, chị H về quê ngoại tại tỉnh H sinh sống và làm việc, từ đó đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Thỉnh thoảng anh có gọi điện hỏi thăm vợ con, có ra thăm con nhưng mỗi lần ra đều không gặp được chị H, hai năm trở lại đây anh không ra thăm nữa. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì, anh không biết lý do chị H yêu cầu ly hôn, nhưng theo anh vì cuộc sống cực khổ nên chị H muốn ly hôn để giải thoát. Anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung, tài sản và nợ chung: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị H về hôn nhân, cho chị H ly hôn với anh L; Về con chung, tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh Mai Văn L, hiện anh L cư trú tại thôn P, xã P, thành phố Đà Nẵng, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H và bị đơn anh L đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Mai Văn L tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào ngày 02/01/2013 (nay là xã P, thành phố Đà Nẵng) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh L thì thấy: Chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh L vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm

không còn. Anh L không đồng ý ly hôn, anh khai vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì, bản thân vẫn còn tình cảm với chị H. Tuy nhiên, chị H và anh L đều xác định vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nhiều năm nay, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau.

Qua xác minh nơi anh L sinh sống, Hội liên hiệp Phụ nữ xã P xác định không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa chị H và anh L.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

2.2. Về nuôi con chung, chia tài sản và về nợ chung: Chị H và anh L đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Mai Văn L.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản và về nợ chung: Chị H và anh L đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006054, ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam Nam (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, thành phố Đà Nẵng). Chị H đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã P;
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quân